

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT

Năm 2008

I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính 1.000 đồng

Stt	Nội dung	Số đầu năm	Số cuối năm
I	Tài sản ngắn hạn	357,801,134	660,860,631
1	Tiền	36,107,025	19,278,621
2	Các khoản đầu tư chứng khoán và đầu tư ngắn hạn khác	294,546,379	372,214,997
	- Chứng khoán tự doanh	279,566,822	76,116,612
	- Chứng khoán đầu tư ngắn hạn của người uỷ thác đầu tư		
	- Đầu tư ngắn hạn	15,980,000	300,800,000
	- Dự phòng giảm giá chứng khoán và đầu tư ngắn hạn	(1,000,443)	(4,701,615)
3	Các khoản phải thu	16,747,719	267,540,497
4	Vật liệu, công cụ tồn kho		
5	Tài sản ngắn hạn khác	10,400,011	1,826,516
II	Tài sản dài hạn	35,503,295	163,117,853
1	Tài sản cố định	9,040,847	13,015,588
	- Tài sản cố định hữu hình	7,467,233	10,533,051
	- Tài sản cố định thuê tài chính		
	- Tài sản cố định vô hình	1,573,614	2,482,537
2	Các khoản đầu tư chứng khoán và đầu tư dài hạn khác	19,358,640	143,417,479
3	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		
4	Tài sản dài hạn khác	7,103,808	6,684,786
III	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	393,304,429	823,978,484
IV	Nợ phải trả	30,494,832	460,493,230
1	Nợ ngắn hạn	30,494,832	460,493,230
2	Nợ dài hạn	-	-
VI	Nguồn vốn chủ sở hữu	362,809,597	363,485,254
1	Vốn góp ban đầu	360,000,000	360,000,000
2	Vốn bổ sung		
3	Các quỹ và lợi nhuận chưa phân phối	2,809,597	3,485,254
4	Vốn điều chỉnh		
VII	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	393,304,429	823,978,484

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2008

Đơn vị tính 1.000 đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
1	Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán	130,418,571	10,362,351
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
3	Doanh thu thuần	130,418,571	10,362,351
4	Thu lãi đầu tư	2,766,369	-
5	Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán và lãi đầu tư	133,184,940	10,362,351
6	Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán	(97,133,343)	(3,555,672)
7	Lợi nhuận gộp	36,051,597	6,806,679
8	Chi phí quản lý	(20,321,351)	(3,254,876)
9	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh chứng khoán	15,730,246	3,551,803
10	Lợi nhuận ngoài hoạt động kinh doanh	-	-
11	Tổng lợi nhuận trước thuế	15,730,246	3,551,803
12	Lợi nhuận tính thuế (Lợi nhuận trước thuế - lãi đầu tư)	12,963,877	3,551,803
13	Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp	(3,663,338)	(742,206)
14	Lợi nhuận sau thuế	12,066,908	2,809,597
15	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (nếu có)	2.50%	-
16	Cổ tức trên mỗi cổ phiếu (nếu có)	0.250	-

III. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kỳ trước	Kỳ báo cáo
1	Cơ cấu tài sản	%		
	- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản		2.30%	20.00%
	- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản		90.97%	80.00%
2	Cơ cấu nguồn vốn	%		
	- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn		7.75%	56.00%
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn		92.25%	44.00%
3	Khả năng thanh toán	Lần		
	- Khả năng thanh toán nhanh		1176.62%	144.00%
	- Khả năng thanh toán hiện hành		1176.62%	144.00%
4	Tỷ suất lợi nhuận	%		
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản		0.71%	1.46%
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần		27.11%	9.00%
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu		0.77%	3.00%

Tổng Giám đốc